

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HIDA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HIDA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HIDA FOOD JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HIDAFOOD .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109916520

**3. Ngày thành lập:** 25/02/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phòng 203, lô 0202, tòa 21B7 Greenstar, số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02466636889

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                      | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                             | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                             | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                        | 4390     |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                         | 4632     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                        | 8299     |
| 7.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản                               | 6810     |
| 8.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Môi giới bất động sản<br>- Tư vấn bất động sản<br>(Không bao gồm Đấu giá) | 6820     |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                               | 4690     |
| 10. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                       | 4711     |
| 11. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                          | 4721     |
| 12. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                           | 4722     |
| 13. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                             | 4723     |
| 14. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                            | 1010     |
| 15. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                    | 1020     |

|     |                                                                                                                                                        |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                           | 1030        |
| 17. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                        | 1040        |
| 18. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                    | 1050        |
| 19. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                          | 1062        |
| 20. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                          | 1071        |
| 21. | Sản xuất đường                                                                                                                                         | 1072        |
| 22. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                    | 1073        |
| 23. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                           | 1074        |
| 24. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                  | 1075        |
| 25. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm đặc biệt (loại được nhà nước cho phép) | 1079(Chính) |
| 26. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                          | 1080        |
| 27. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa                                                                                              | 5210        |
| 28. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                              | 5510        |
| 29. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>((không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);                                | 5610        |
| 30. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)          | 5621        |
| 31. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);                                                             | 5629        |
| 32. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                | 5630        |
| 33. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                      | 3600        |
| 34. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                          | 3700        |
| 35. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                         | 3811        |
| 36. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                               | 3812        |
| 37. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                               | 3821        |
| 38. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                     | 3822        |
| 39. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                       | 3830        |
| 40. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                      | 3900        |
| 41. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                      | 4101        |
| 42. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                | 4102        |
| 43. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                          | 4211        |
| 44. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                           | 4212        |
| 45. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                               | 4221        |
| 46. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                    | 4222        |

|     |                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------|------|
| 47. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc | 4223 |
| 48. | Xây dựng công trình công ích khác                  | 4229 |
| 49. | Xây dựng công trình thủy                           | 4291 |
| 50. | Xây dựng công trình khai khoáng                    | 4292 |
| 51. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo              | 4293 |
| 52. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác         | 4299 |
| 53. | Phá dỡ<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)              | 4311 |
| 54. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)   | 4312 |
| 55. | Lắp đặt hệ thống điện                              | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                        | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN VĂN<br>LÂM | Số 8 ngõ 79<br>Nguyễn Khang, tổ<br>22, Phường Yên<br>Hoà, Quận Cầu<br>Giấy, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 250.000       | 2.500.000.000            | 12,500       | 0360660037<br>68                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                           | Tổng số                            | 250.000       | 2.500.000.000            | 12,500       |                                                                                                                        |            |

|   |                        |                                                                                                    |                           |         |               |        |              |
|---|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 2 | HOÀNG ĐIẾP             | Căn hộ 1607, Nhà 29T1 Lô N05 KĐTĐNTDH, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 300.000 | 3.000.000.000 | 15,000 | 001082011875 |
|   |                        |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                                                    | Tổng số                   | 300.000 | 3.000.000.000 | 15,000 |              |
| 3 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | Khu đô thị Nam La Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông         | 300.000 | 3.000.000.000 | 15,000 | 042185001288 |
|   |                        |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                                                    | Tổng số                   | 300.000 | 3.000.000.000 | 15,000 |              |
| 4 | NGUYỄN THỊ THANH TÂM   | Tòa A1, khu đô thị An Bình City, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông         | 950.000 | 9.500.000.000 | 47,500 | 025185001552 |
|   |                        |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                                                    | Tổng số                   | 950.000 | 9.500.000.000 | 47,500 |              |

|   |                     |                                                                               |                           |         |               |        |              |
|---|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 5 | NGUYỄN THỊ NGỌC HOA | Số 14 ngõ 6 Vạn Phúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 200.000 | 2.000.000.000 | 10,000 | 025185000528 |
|   |                     |                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                               | Tổng số                   | 200.000 | 2.000.000.000 | 10,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 12/12/0198

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042185001288

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Khu đô thị Nam La Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu đô thị Nam La Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội